

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về việc quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;



Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 28/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đầu tư xây dựng, phí thẩm định dự án xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 753 giai đoạn I (đoạn từ ngã tư Sóc Miên, thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú – Bình Dương);

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được HĐND tỉnh Bình Phước thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước Quyết định về việc phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đồng Xoài đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng và nội tỉnh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 97/TTr-SGTVT ngày 22/12/2023 (kết quả thẩm định tại Công văn số 61/SGTVT-HTGT ngày 22/12/2023).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh.

4. Mục tiêu, quy mô và sơ bộ giải pháp thiết kế cơ sở

4.1 Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Từng bước hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung và quy hoạch mạng lưới giao thông của tỉnh. Tuyến được xây dựng đã lâu, trải qua quá trình khai thác đã xuống cấp, trên tuyến hiện nay xuất hiện hư hỏng; do đó, cần phải được đầu tư nâng cấp để đảm bảo lưu thông trên tuyến được thuận lợi và an toàn.

- Khi được chấp thuận xây dựng cầu Mã Đà trong tương lai, tuyến giao thông sẽ kết nối liên vùng, tạo thành trục giao thông kết nối từ các tỉnh Tây Nguyên qua tỉnh Bình Phước đi sân bay quốc tế Long Thành tỉnh Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu được thuận lợi.

- Tuyến đường được quy hoạch là Quốc lộ 13C theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; do đó khi được đầu tư nâng cấp thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cấp thành Quốc lộ 13C trong tương lai.

4.2 Quy mô đầu tư xây dựng: Dự án: Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu, được thiết kế theo TCVN4054-2005, đường cấp III, cấp kỹ thuật 60 với các chỉ tiêu sau:

- Điểm đầu: Ngã tư Sóc Miên, thành phố Đồng Xoài.
- Điểm cuối: Điểm cuối giao với đường Đồng Phú - Bình Dương.
- Tổng chiều dài tuyến: Khoảng 13 km.
- Vận tốc thiết kế: 60km/h
- Cầu, công thiết kế bằng BTCT vĩnh cửu, tải trọng thiết kế: HL93
- Tải trọng thiết kế: 12 tấn/trục
- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1
- Hệ thống an toàn giao thông.
- Hệ thống điện chiếu sáng.
- Hệ thống thoát nước ngang và thoát nước dọc.
- Hệ thống an toàn giao thông đường bộ.

4.3 Giải pháp thiết kế

4.3.1 Phần đường:

a) Bình đồ tuyến: Tuyến đường là nâng cấp, mở rộng trên cơ sở nền mặt đường hiện hữu, phạm vi GPMB được tính từ mép ngoài taluy đường hiện hữu về 2 bên tuyến và sẽ được GPMB hoàn toàn để đảm bảo quy mô xây dựng.

b) Trắc dọc tuyến: Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật ứng với cấp hạng kỹ thuật của tuyến, thỏa mãn các cao độ khống chế về thủy văn, về chế độ thủy nhiệt của nền – mặt đường; các vị trí khống chế như vị trí điểm đầu, điểm cuối, cao độ đầu nối tại các vị trí giao cắt tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú – Bình Dương (đoạn Lam Sơn – Tân Phước), đường Đồng Tiến – Tân Phú, đường Đồng Phú – Bình Dương; đảm bảo các yếu tố hình học ứng với cấp đường thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN4054-2005.

c) Trắc ngang tuyến:

- Đoạn 1: Đoạn từ Km0+000 đến Km 2+160, đoạn nội ô thành phố Đồng Xoài được đầu tư theo mặt cắt quy hoạch với lộ giới là 30m:

+ Bề rộng mặt đường:	17m.
+ Bề rộng bó vỉa + vỉa hè:	3m x 2 bên = 6 m.
+ Bề rộng lề không gia cố	3,5m x 2 bên = 7 m.
+ Tổng bề rộng nền đường:	30 m.

- Đoạn 2: Đoạn từ Km02+160 đến Km9+000:

+ Bề rộng mặt đường:	19 m.
+ Bề rộng bó vỉa + lề gia cố:	3m x 2 bên = 6 m.
+ Tổng bề rộng nền đường:	25 m.

- Đoạn 3: Đoạn từ Km9+000 đến Km13+000:

+ Bề rộng mặt đường:	19 m.
----------------------	-------

- + Bề rộng lề đường: 1,5m x 2 bên = 3m.
- + Tổng bề rộng nền đường: 22 m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.
- Độ dốc ngang lề đường: 4%.

d) Kết cấu mặt đường:

* *Đoạn từ Km0+0.00 ÷ Km9+0.00: Kết cấu áo đường chia ra 02 loại cơ bản như sau:*

- Loại kết cấu: Kết cấu mặt đường mở rộng, làm mới.
- + Bê tông nhựa chặt hạt trung, BTN C12,5 dày 7cm, Eyc \geq 175 Mpa.
- + Nhựa lót tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².
- + Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm dày 30cm, Eyc \geq 155 Mpa, K \geq 0,98.
- + Đá 4x6 dày 15cm, lu lèn đạt Eyc \geq 135 Mpa
- + Đắp đất chọn lọc lu lèn đạt K \geq 0,95, lớp 30cm trên cùng lu lèn đạt K \geq 0,98 (hoặc nền đất tự nhiên xáo xới 30cm lu lèn K \geq 0,98).

- Loại kết cấu: Kết cấu tăng cường trên mặt đường hiện hữu.

+ Bê tông nhựa chặt hạt trung, BTN C12,5 dày trung bình 7cm (gồm cả bù vênh), Eyc \geq 175 Mpa.

+ Lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,50 Kg/m².

+ Mặt đường nhựa hiện hữu vệ sinh làm sạch.

* *Đoạn từ Km9+0.00 ÷ Km13+0.00: Kết cấu áo đường chia ra 02 loại cơ bản như sau:*

- Loại kết cấu: Kết cấu mặt đường mở rộng, làm mới
- + Bê tông nhựa chặt hạt trung, BTN C12,5 dày 7cm, Eyc \geq 175 Mpa.
- + Nhựa lót tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².
- + Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm dày 30cm, Eyc \geq 155 Mpa, K \geq 0,98.
- + Đá 4x6 dày 15cm, lu lèn đạt Eyc \geq 135 Mpa
- + Đắp đất chọn lọc lu lèn đạt K \geq 0,95, lớp 30cm trên cùng lu lèn đạt K \geq 0,98 (hoặc nền đất tự nhiên xáo xới 30cm lu lèn K \geq 0,98).

- Loại kết cấu: Kết cấu tăng cường trên mặt đường hiện hữu.

+ Bê tông nhựa chặt hạt trung, BTN C12,5 dày 7cm, Eyc \geq 175 Mpa.

+ Nhựa lót tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

+ Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm dày trung bình 25cm, Eyc \geq 155 Mpa, K \geq 0,98.

+ Mặt đường nhựa hiện hữu cày sọc tạo nhám.

e) Kết cấu lề đường

- Lề gia cố: Bằng bê tông xi măng (Đoạn từ Km02+160 đến Km9+000).

- Lề không gia cố: Đắp đất chọn lọc $K \geq 0,95$, lớp trên cùng $K \geq 0,98$.

f) Vía hè: Đồ bê tông xi măng trên nền đất $K \geq 0,95$ (chỉ bố trí đoạn qua thành phố Đồng Xoài Km0+000 đến Km 2+160).

g) Kết cấu bó vỉa: Bằng bê tông xi măng.

h) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc:

+ Đoạn Km0+000 đến Km9+000: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước dọc bằng cống tròn BTCT đúc sẵn tại nhà máy có khẩu độ từ D1000 – D1200 hai bên tuyến.

+ Đoạn Km9+000 đến Km13+000: Bố trí thoát nước bằng rãnh mương đất hở, những vị trí có độ dốc dọc lớn được gia cố bằng mương xây.

- Thoát nước ngang: Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước ngang trên tuyến, tận dụng và nối dài các cống thoát nước hiện hữu còn tốt và đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực tuyến.

i) Hệ thống ATGT: Thiết kế tổ chức giao thông trên đường được tuân theo đúng quy định quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2019/BGTVT.

k) Hệ thống điện chiếu sáng: Bố trí hệ thống chiếu sáng hai bên tuyến trong phạm vi nội ô thành phố Đồng Xoài (đoạn Km0+000 đến Km 2+160 đảm bảo phù hợp với quy hoạch thành phố Đồng Xoài đã được phê duyệt).

4.3.2 Phần cầu: Trên tuyến có 03 cầu, trong đó xây dựng mới 01 cầu (cầu Rạt nhỏ) và tận dụng lại 02 cầu cũ (cầu Rạt Lớn và cầu Cừ); đồng thời, xây dựng 01 modul cầu mới song song với cầu hiện hữu nhằm phù hợp với bề rộng mặt đường mở rộng. Giải pháp thiết kế chính của các cầu như sau:

a) Cầu Rạt nhỏ

- Chiều rộng cầu: 20m (phần mặt cầu 19m, lan can $0,5 \times 2 = 1\text{m}$).

- Sơ đồ nhịp: Dầm chủ BTCT cấp B70 dự ứng lực tiền áp tiết diện chữ “I” gồm 01 nhịp giản đơn được bố trí theo sơ đồ $1 \times 18,6\text{m}$. Tổng chiều dài cầu $L = 19,60\text{m}$ (tính đến mép sau tường ngực mố).

- Kết cấu mố: Bằng BTCT C30, móng cầu là móng nông được đặt trên nền đá, đáy móng khoan cây thép chống trượt vào nền đá.

b) Cầu Rạt lớn

- Xây dựng mới 01 cầu song song với cầu cũ.

- Chiều rộng cầu: 10m (phần mặt cầu 9m, lan can $0,5 \times 2 = 1\text{m}$)

- Sơ đồ nhịp: Dầm chủ BTCT cấp B70 dự ứng lực tiền áp tiết diện chữ “I” gồm 02 nhịp giản đơn được bố trí theo sơ đồ $1 \times 24,54\text{m} + 1 \times 24,54\text{m}$ (theo sơ đồ cầu hiện hữu). Tổng chiều dài cầu $L = 50,03\text{m}$ (tính đến mép sau tường ngực mố).

- Kết cấu móng, trụ: Mố, trụ bằng BTCT C30, móng mố, trụ được đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi.

c) Cầu Cừ

- Xây dựng mới 01 cầu song song với cầu cũ.

- Chiều rộng cầu: 10m (phần mặt cầu 9m, lan can $0,5 \times 2 = 1\text{m}$)

- Sơ đồ nhịp: Dầm chủ BTCT cấp B70 dự ứng lực tiền áp tiết diện chữ "I" gồm 01 nhịp giản đơn được bố trí theo sơ đồ $1 \times 18,6\text{m}$. Tổng chiều dài cầu $L = 19,6\text{m}$ (tính đến mép sau tường ngực mố).

- Kết cấu móng: Bằng BTCT C30, móng cầu là móng nông được đặt trên nền đá, đáy móng khoan cấy thép chống trượt vào nền đá.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn kiểm định Toàn Quốc.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Chi nhánh công ty TNHH Tư vấn thiết kế Đầu tư và Xây dựng Thanh Minh.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Đồng Xoài, huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 33ha

7. Loại, nhóm dự án :

- Loại dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Công trình giao thông cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Công trình đường 10 năm.

- Thời hạn sử dụng của công trình cầu: Vĩnh cửu

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế : 2 bước

8.2 Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Tiêu chuẩn khảo sát:

- Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN;

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000;

- Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN43-90;

- Tiêu chuẩn khảo sát tính toán thủy văn TCVN 9845:2013;

- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN 11:2008/BTNMT;
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCVN 9401:2012;
 - Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình 68/2015/TT-BTNMT;
 - Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.
- b) Tiêu chuẩn thiết kế:
- Tiêu chuẩn TCXDVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
 - Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
 - Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;
 - Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô 22TCN 273-01;
 - Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013;
 - Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008;
 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-2017;
 - Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 5574:2012;
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
 - Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.
- c) Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436:2012;
 - Công tác nền móng - thi công và nghiệm thu TCVN9361:2012;
 - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447-2012;
 - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên TCVN 8857:2011;
 - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859-2011;
 - Tiêu chuẩn TCVN 13567-2022 “ Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công nghiệm thu – Phần 1, 2, 3” đã thay thế Tiêu chuẩn TCVN 8819-2011 “ Mặt đường bê tông nhựa nóng – Yêu cầu thi công nghiệm thu”, đề nghị cập nhật.
 - Và các tiêu chuẩn, quy trình hiện hành có liên quan.
9. Tổng mức đầu tư: 480.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tỷ đồng*). Trong đó:
- Chi phí xây dựng: 317.783.650.309 đồng.
 - Chi phí GPMB: 80.000.000.000 đồng.
 - Chi phí QLDA: 4.500.972.065 đồng.
 - Chi phí tư vấn xây dựng: 11.265.306.933 đồng.

- Chi phí khác: 6.301.466.512 đồng.
- Chi phí dự phòng: 60.148.604.181 đồng.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách tỉnh (247,266 tỷ đồng) và vốn ngân sách Trung ương (232,734 tỷ đồng).

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Năm 2024: 46 tỷ đồng (Theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh)

Phần vốn còn lại: Thực hiện theo Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 - 2025.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Phương án GPMB, tái định cư: Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tổ chức GPMB theo đúng quy định của pháp luật.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước: không

15. Các nội dung khác:

- Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 61/SGTVT-HTGT ngày 22/12/2023.

- Sở Giao thông vận tải, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án nêu trên.

(Kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Sở giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 61/SGTVT-HTGT ngày 22/12/2023)

Điều 2. Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh là Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Đơn vị tư vấn BCNCKT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P: KT, TH;
- Lưu VT.



Trần Tuệ Hiền